ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 125 /2026/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định những nội dung sau:

1. Thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ; thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Việc rút dự toán bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thời hạn và biểu mẫu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước quy định tại điểm g và k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Trách nhiệm thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố; kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý; tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Việc báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách của thành phố Hà Nội và của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách thành phố Hà Nội.

Chương II
LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã

1. Thời gian lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã được thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 23 tháng 12.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 26 tháng 12.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị được giao dự toán trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan quản lý địa bàn thành phố Hà Nội, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí và các khoản thu khác và các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của Thành phố), đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc Thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan, gửi Sở Tài chính kèm báo cáo dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị mình trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố quyết định cụ thể thời hạn gửi báo cáo dự toán, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các đơn vị dự toán ngân sách và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, để bảo đảm thời hạn gửi Sở Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội

Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán, bao gồm:

1. Quyết định giao dự toán ngân sách cho các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài

chính (kèm theo các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 37 đến số 46 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán).

2. Báo cáo thuyết minh phương án phân bổ dự toán ngân sách, trong đó thể hiện rõ: Nguyên tắc, tiêu chí và căn cứ phân bổ; tổng mức và cơ cấu phân bổ theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi; phân bổ chi tiết theo từng đơn vị trực thuộc. Trường hợp nhiệm vụ chi thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh việc đảm bảo điều kiện áp dụng quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các tài liệu, số liệu liên quan khác phục vụ công tác kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tài chính; các nhiệm vụ chi ủy quyền thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo và kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội

1. Đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội phải gửi đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 5 Quyết định này đến cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị dự toán cấp I ban hành quyết định giao dự toán cho các đơn vị.

2. Cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I theo quy định tại Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 19 của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở các tài liệu báo cáo thuyết minh do đơn vị cung cấp. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Sau khi điều chỉnh, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

Điều 7. Chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã

1. Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:

a) Việc rút dự toán thực hiện theo tiến độ thu ngân sách Thành phố và nhu cầu chi thực tế của ngân sách cấp xã, bảo đảm cân đối ngân sách trong phạm vi dự toán được giao.

b) Mức rút dự toán hằng tháng: Cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức dự toán bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán

năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định.

2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:

a) Căn cứ vào chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

b) Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách cấp Thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 29 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau, Kho bạc Nhà nước khu vực I báo cáo Sở Tài chính về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội theo mẫu biểu từ số 01 đến số 02 kèm theo Quyết định này; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 03 đến số 06 kèm theo Quyết định này.

Chậm nhất là ngày 07 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

b) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp mình chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm theo mẫu biểu số 07 kèm theo Quyết định này.

Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp Thành phố, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp Thành phố chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chậm nhất trước ngày 20 tháng đầu tiên của quý sau.

c) Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã theo mẫu biểu số 08 kèm theo Quyết định này.

d) Trước ngày 10 tháng 3 hằng năm, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để báo cáo Bộ Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố Hà Nội theo mẫu biểu số 09 kèm theo Quyết định này. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

Chương IV
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp I tại các cấp của thành phố Hà Nội:

a) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

b) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 3 năm sau.

c) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan tài chính chưa nhận được báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thì cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối với các đơn vị có sử dụng kinh phí ủy quyền, kinh phí bổ sung có mục tiêu: Phải thực hiện quyết toán riêng phần kinh phí này và gửi cùng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã quyết định cụ thể thời hạn các đơn vị dự toán ngân sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi báo cáo quyết toán ngân sách,

quyết toán thu, chi tài chính của quỹ, bảo đảm thời hạn tổng hợp, gửi báo cáo đến cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V
CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) theo mẫu biểu từ số 03 đến số 06 kèm theo Quyết định này.

Điều 11. Cơ quan thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố; kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý; tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội

1. Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao; quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê chuẩn. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quyết định công khai, Sở Tài chính thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:

a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý.

b) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 12. Chế độ báo cáo công khai ngân sách

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời gửi dữ liệu điện tử báo cáo vào nền tảng Cơ sở dữ liệu về tài chính của thành phố Hà Nội (dữ liệu phải được ký số theo quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản pháp luật có liên quan), gửi qua hệ thống Cổng Công khai ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo hướng dẫn của Sở Tài chính và quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố quy định việc báo cáo công khai ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, công khai tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quy định việc báo cáo công khai ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại các quy định nêu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan quy định tại Điều 2 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này, đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, giải trình với cơ quan chức năng khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về những sai sót, sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị gửi dữ liệu điện tử báo cáo công khai ngân sách vào nền tảng Cơ sở dữ liệu về tài chính của thành phố Hà Nội và qua hệ thống Cổng Công khai ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Thuế thành phố Hà Nội;
- Chi cục Hải quan, KBNN khu vực I;
- Các tổ chức được ngân sách Thành phố hỗ trợ;
- VP UBND TP (để đăng công báo);
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CM;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Đại Thắng

Mẫu biểu số 01

THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI QUÝ ... NĂM…

(Kèm theo Quyết định số 125 /2026/QĐ-UBND ngày 04 / 9 /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện lũy kế so (%)	
			Quý…	Lũy kế ... tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm…
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**					
I	**Thu nội địa**					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trđó: Lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*					
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*					
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*					
-	*Thu tiền sử dụng đất*					
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện					
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
13	Thu khác ngân sách					
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**					
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP					
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					

Mẫu biểu số 02

THỰC HIỆN CHI NSNN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI QUÝ ...NĂM…

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện lũy kế so (%)	
			Quý…	Lũy kế ... tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm…
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP					
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**					
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**					
VIII	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 03**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP QUÝ …NĂM …

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện lũy kế so (%)			Ghi chú
				Quý…	Lũy kế ... tháng	*Dự toán UBND Thành phố giao*	*Dự toán xã, phường giao*	*Cùng kỳ năm…*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=4/1*	*6=4/2*	*7*	*8*
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**								
	Thu nội địa								
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG**								
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**								
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%								
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng, nếu có)								
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %								
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố**								
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách								
2	Thu bổ sung có mục tiêu								
IV	**Thu kết dư**								
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển**								
VI	**Thu khác (nếu có)**								
C	**TỔNG CHI NSĐP**								
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**								
1	Chi đầu tư phát triển								
2	Chi thường xuyên								
3	Dự phòng ngân sách								
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
5	Các nhiệm vụ chi khác								
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố**								
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**								
IV	**Chi nộp trả ngân sách cấp trên**								

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 04**

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM…

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện lũy kế so (%)			Ghi chú
				Quý…	Lũy kế ... tháng	*Dự toán UBND Thành phố giao*	*Dự toán xã, phường giao*	*Cùng kỳ năm…*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=4/1*	*6=4/2*	*7*	*8*
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**								
1	**Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tài nguyên								
2	**Lệ phí trước bạ**								
3	**Thuế bảo vệ môi trường**								
4	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**								
5	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**								
6	**Thuế thu nhập cá nhân**								
7	**Thu phí, lệ phí**								
	Trong đó:								
	Khoản phí, lệ phí do xã, phường quản lý, thực hiện thu								
8	**Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước**								
9	**Tiền sử dụng đất**								
10	**Tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất**								
11	**Thu quỹ đất công ích hoa lợi công sản**								
12	**Các khoản thu khác ngân sách**								
	Trong đó: Khoản thu khác do xã/phường quản lý thực hiện thu								
II	**Thu ngân sách xã, phường được hưởng**								
1	**Số thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp**								
	Trong đó: Tiền sử dụng đất và tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi hồi đất								
-	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%								
-	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng, nếu có)								
-	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %								
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố**								
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách								
	- Thu bổ sung có mục tiêu								
	+ Bổ sung chi thường xuyên								
	+ Bổ sung chi đầu tư								
3	**Nguồn khác (nếu có)**								
	- Thu chuyển nguồn								
	- Thu kết dư								
	- Thu khác								

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 05**

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM…

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã/phường giao	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện lũy kế so (%)		
				Quý…	Lũy kế ... tháng	*Dự toán UBND Thành phố giao*	*Dự toán xã/phường giao*	*Cùng kỳ năm…*
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=4/1*	*6=4/2*	*7*
	Tổng số chi ngân sách nhà nước (I+II)							
I	**Tổng chi cân đối ngân sách (1+2+3+4)**							
1	**Chi đầu tư xây dựng cơ bản**							
	Trong đó:							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
1.1.	*Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực*							
1.2.	*Chi chương trình mục tiêu quốc gia, Thành phố (vốn đối ứng của xã, phường nếu có)*							
2	**Chi thường xuyên**							
	Trong đó:							
-	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi sự nghiệp môi trường							
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
-	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế							
3	**Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương**							
4	**Dự phòng ngân sách**							
II	**Chi từ nguồn ngân sách cấp Thành phố bổ sung có mục tiêu**							
1	**Bổ sung kinh phí thường xuyên**							
2	**Bổ sung vốn đầu tư**							
2.1	*Bổ sung chi đầu tư xây dựng cơ bản*							
2.2	*Bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia, Thành phố*							
III	**Chi chuyển nguồn**							
IV	**Chi nộp trả ngân sách cấp trên**							

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 06**

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM…

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách xã/phường					Dự phòng ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã/phường				
		Dự toán xã/ phường giao	*Trong đó*		Lũy kế đã sử dụng đến ngày …/…/…	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	Số NSTP bổ sung	*Trong đó*		Số đã phân bổ đến ngày …/…/…	Kinh phí còn lại chưa phân bổ
			Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm				Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm		
A	B	1=2+3	2	3	4	5=1-4	6=7+8	7	8	9	10=6-9
	Tổng số										
1	Chi đầu tư phát triển										
2	Chi thường xuyên										

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 07**

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP MÌNH, PHÂN BỔ CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP MÌNH CHƯA PHÂN BỔ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ DO NGÂN SÁCH CẤP TRÊN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU QUÝ… NĂM …

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm …			Số kinh phí đã phân bổ, sử dụng Quý…	Lũy kế ... tháng	Dự toán còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó					
			Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm				
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8=3-7	9
	TỔNG CỘNG							
I	**Dự phòng ngân sách cấp xã**							
II.1	***Đối với chi đầu tư phát triển***							
1	…							
…	…							
II.2	***Đối với chi thường xuyên***							
1	…							
…	…							
II	**Các khoản dự toán chi ngân sách cấp xã chưa phân bổ chi tiết từ đầu năm**							
II.1	***Đối với chi đầu tư phát triển***							
1	…							
…	…							
II.2	***Đối với chi thường xuyên***							
1	…							
…	…							
III	**Kinh phí ngân sách cấp Thành phố bổ sung có mục tiêu**							
II.1	***Đối với chi đầu tư phát triển***							
1	…							
…	…							
II.2	***Đối với chi thường xuyên***							
1	…							
…	…							

Tên UBND xã, phường:…...… **Mẫu biểu số 08**

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM … CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
I	**Tổng nguồn**			
II	**Số đã phân bổ, sử dụng**			
1	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
2	Bổ sung nguồn tài chính cho Quỹ thưởng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô			
3	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
4	Bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển			
5	Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành			
	Trong đó: Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			
6	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu			
7	Hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của Thành phố			
III	**Số chưa phân bổ, sử dụng (I-II)**			

Mẫu biểu số 09

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM … CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
I	**Tổng nguồn (I+II)**			
I.1	***Ngân sách cấp Thành phố***			
I.2	***Ngân sách cấp xã***			
II	**Số đã phân bổ, sử dụng**			
II.1	***Ngân sách cấp Thành phố***			
1	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
2	Bổ sung nguồn tài chính cho Quỹ thưởng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô			
3	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
4	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
5	Bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển			
6	Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành			
	Trong đó: Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			
7	Thưởng vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			
8	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu			
9	Hỗ trợ ngân sách cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ chi theo phân cấp của cấp xã nhưng ngân sách cấp xã chưa cân đối được trong dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu; một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác phát sinh trong năm, sau khi ngân sách cấp xã đã sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu			
10	Hỗ trợ các cơ quan trung ương, các địa phương khác trong nước hoặc hỗ trợ quốc gia khác			
II.2	***Ngân sách cấp xã***			
1	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
2	Bổ sung nguồn tài chính cho Quỹ thưởng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô			
3	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
4	Bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển			

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
5	Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành			
	Trong đó: Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			
6	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu			
7	Hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của Thành phố			
III	**Số chưa phân bổ, sử dụng (I-II)**			
III.1	***Ngân sách cấp Thành phố (I.1-II.1)***			
III.2	***Ngân sách cấp xã (I.2-II.2)***			